

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 04 – 11 – 2021

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm X Đỉnh

2. Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham dự phiên tòa:
Ông Bò Đức Trọng – kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXX-ST ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1985; (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp 2, xã Thành T, huyện Chơn Th, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn L sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2003 tại UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 392, quyển số 01/2003. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau. Tại phiên tòa, bà X xác định tình cảm

vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà X và ông L có 03 con chung tên Nguyễn Thị X1, sinh ngày 25/8/2003; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn bà X yêu cầu giao 03 con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không cho ai vay nợ và không nợ ai nên bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà X không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất lời trình bày của bà X về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân dẫn đến bà X yêu cầu ly hôn thì ông L trình bày do khoảng 03-04 năm về trước, ông L nhậu say không kiểm soát được hành vi của mình nên có đánh bà X. Sự việc xảy ra khi ông L quá say nên ông không nhớ chi tiết, chỉ biết hôm sau vợ con kể lại nên ông L rất ân hận về hành vi của mình gây ra và đã xin lỗi bà X. Sau đó, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Khoảng một năm trở lại đây bà X mở bán quán cơm tại Khu công nghiệp xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành thì bà X cùng với con chung Nguyễn Thị Yến N ở lại quán và không về nhà. Tuy nhiên, thời gian vừa qua dịch bệnh Covid 19 nên bà X nghỉ bán và vợ chồng về sống chung với nhau. Ông L nhiều lần mong muốn vợ chồng cùng chia sẻ với nhau nhưng ông chưa nói được gì thì bà X không để ông L nói, lâu dần tạo khoảng cách giữa hai vợ chồng. Ông L xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải dẫn đến ly hôn nên trước yêu cầu của bà X thì ông L không đồng ý. Lý do là ông L vẫn còn thương yêu vợ, muốn con cái được cha mẹ chăm sóc, nuôi dạy. Ông L không muốn con cái thiệt thòi và thiếu tình thương của cha mẹ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị X1, sinh ngày 25/8/2003; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn bà X yêu cầu giao 03 con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L tôn trọng quyết định và lựa chọn của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L không có ý kiến.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh ông L không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà X và ông L có mặt và không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào.

Bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông L không đồng ý ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định có trong Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà X và bị đơn ông L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giải quyết cho bà X được ly hôn với ông L;

Giao con chung Nguyễn Thị X Hoài, sinh năm 2003; Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh năm 2006 và Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh năm 2014 cho bà X được quyền trực tiếp nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Buộc bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị X và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án khởi kiện về “Ly hôn, người nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Bùi Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Do ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại tổ 5, ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Văn L sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND thị trấn Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo bà X thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tin tưởng nhau. Ông L mỗi khi nhậu say thì đánh đập bà X. Để làm rõ nội dung tranh chấp ly hôn, Tòa án đã tiến hành xác minh

tại địa phương nơi cư trú của bà X, ông L cho thấy ông L và bà X có mâu thuẫn thường xuyên cãi vã và sống ly thân trong thời gian bà X mở tiệm ăn, buôn bán. Ban áp cũng đã động viên vợ chồng ông L, bà X đoàn tụ nuôi dạy con cái, tuy nhiên bà X không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay bà X tiếp tục yêu cầu ly hôn; ông L không đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà X và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy yêu cầu được ly hôn với ông L của bà X là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận, giải quyết cho bà X được ly hôn với ông L.

[2.2]. Về con chung: Bà X và ông L trình bày trong thời gian chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thị X1, sinh ngày 25/8/2003; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung. Lời trình bày của bà X phù hợp với các tài liệu chứng cứ do bà X giao nộp cho Tòa án là giấy khai sinh của các con chung, nội dung văn bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thành Tâm về các con chung của bà X và ông L và lời khai của cháu Nguyễn Thị X1; Nguyễn Thị Yến N, và Nguyễn Thị Như Q. Xét thấy, 03 con chung đều có nguyện vọng sống với bà X. Ông L đồng ý giao con chung theo nguyện vọng của các con. Việc giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 03 con chung của bà X là có cơ sở được Tòa án chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Không có.

[2.6]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do bà Bùi Thị X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 137, Điều 227, Điều 228, Điều 217, 218, 219, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị X.

- Về quan hệ hôn nhân :Giải quyết cho bà Bùi Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị X1, sinh ngày 25/8/2003; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Thị Như Qh, sinh ngày 08/02/2014 cho bà X được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002820, quyền số: 0057, ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Văn Vân